



Original Article

Assessment of Geographical Conditions for Wellness Tourism Potential in Dak Lak Province

Duong Thi Thuy^{1,*}, Truong Quang Hai², Pham Quang Tuan¹

¹VNU University of Science, 334 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam

²Institute of Vietnamese Studies and Development Science, 336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam

Received 19th July 2024

Revised 24th September 2024; Accepted 4th April 2025

Abstract: Wellness tourism is forecasted by the World Tourism Organization (UNWTO) as one of the six tourism trends that will grow significantly in the 21st century. After COVID-19 global pandemic, the need to be healthy in body, mind, and spirit has gained attention and wellness tourism becomes more popular in the world as well as in Vietnam. Wellness tourism business models have been established in Vietnam; however, they are still in their early stages, and further studies are needed to analyze the potential for wellness tourism. Dak Lak province offers numerous advantages for promoting wellness tourism, including a tropical monsoon climate in the highlands, dozens of rapids, more than 300 lake landscapes, and unique and diverse biological resources in two national parks and five conservation areas, along with the natural medicinal systems and cultural values of 49 ethnic groups. The work of inventorying and evaluating tourism resources for the development of wellness tourism contributes to diversifying products, prolonging the length of stay, and increasing spending of tourists to Dak Lak. The study applied the Multi Criteria Decision Making Approach, which combines six research methods, to determine the potential of wellness tourism in Dak Lak province with three geographical sub-regions that are as “very favorable”, three are “fairly favorable”, and two are “averagely favorable”. Two core clusters, three auxiliary clusters, and dominant sub-regional health care and resort tourism products have been identified and spatially oriented.

Keywords: Wellness tourism, Multi -criteria decision making (MCDM), Dak Lak province.

* Corresponding author.

E-mail address: duongthithuy@hus.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1094/vnuees.5182>

Đánh giá điều kiện địa lý phục vụ phát triển du lịch chăm sóc sức khỏe tỉnh Đắk Lắk

Dương Thị Thủy^{1,*}, Trương Quang Hải², Phạm Quang Tuấn¹

¹*Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội,
334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

²*Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội,
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 19 tháng 7 năm 2024

Chỉnh sửa ngày 24 tháng 9 năm 2024; Chấp nhận đăng ngày 06 tháng 02 năm 2025

Tóm tắt: Du lịch chăm sóc sức khỏe (DLCSSK) được Tổ chức Du lịch thế giới (UNWTO) dự báo là một trong sáu xu hướng du lịch sẽ phát triển mạnh mẽ trong thế kỷ XXI. Hậu COVID-19, nhu cầu sống khỏe cả về thân – tâm – trí của con người đã khiến xu hướng DLCSSK (wellness tourism) trở nên thịnh hành trên thế giới cũng như Việt Nam. Những mô hình kinh doanh DLCSSK đã được hình thành trong nước, đang ở giai đoạn đầu và rất cần những công trình đánh giá tiềm năng du lịch cho loại hình này. Đắk Lắk có nhiều lợi thế cho phát triển loại hình DLCSSK như khí hậu nhiệt đới gió mùa cao nguyên, hàng chục thác ghềnh, hàng trăm cảnh quan hồ, tài nguyên sinh vật phong phú đặc sắc với hai vườn quốc gia, năm khu bảo tồn cùng hệ thống được liệu và giá trị văn hóa của 49 dân tộc anh em. Công tác kiểm kê, đánh giá tài nguyên du lịch (TNDL) cho phát triển DLCSSK góp phần đa dạng hóa sản phẩm, kéo dài thời gian lưu trú và tăng chi tiêu của du khách đến Đắk Lắk. Nghiên cứu vận dụng mô hình ra quyết định đa chỉ tiêu (MCDM) là tích hợp của sáu phương pháp nghiên cứu, đã xác lập được tiềm năng DLCSSK tỉnh Đắk Lắk với hai tiểu vùng địa lý du lịch (ĐLDL) rất thuận lợi, ba tiểu vùng (TV) khá thuận lợi, hai tiểu vùng thuận lợi trung bình. Từ đó, hai cụm hạt nhân, ba cụm phụ trợ cùng các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng núi – cao nguyên – hồ và chăm sóc sức khỏe ưu thế theo tiểu vùng đã được định hướng không gian.

Từ khóa: DLCSSK, mô hình ra quyết định đa chỉ tiêu, tỉnh Đắk Lắk.

1. Mở đầu

Du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp có định hướng tài nguyên rõ rệt và giá trị nhân văn sâu sắc. Sự tồn tại và phát triển du lịch tác động qua lại với nhiều ngành, nhiều lĩnh vực kinh tế – xã hội và môi trường. Trong nhiều thập kỷ vừa qua, du lịch phát triển với tốc độ cao, trở thành một trong những ngành kinh tế quan trọng, đóng góp đáng kể vào nền kinh tế của các quốc gia và các vùng lãnh thổ. Tại nhiều khu vực, tốc độ phát

triển nhanh của hoạt động du lịch trong điều kiện thiếu cơ sở khoa học về tổ chức không gian và vượt ngoài tầm quản lý đã tạo ra sức ép lớn đến khả năng đáp ứng của tài nguyên và môi trường du lịch. Vì vậy, phát triển du lịch bền vững nhằm đảm bảo cân đối, hài hòa giữa kinh tế, xã hội và môi trường trở thành nhu cầu cấp thiết cho các quy mô lãnh thổ khác nhau, được các nhà khoa học, các nhà quản lý quan tâm nghiên cứu. Việc khai thác điều kiện địa lý và tài nguyên rất quan trọng bởi nó căn cứ sử dụng hợp lý lãnh thổ

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: duongthithuy@hus.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1094/vnuees.5182>

hướng tới phát triển bền vững, quyết định sự thành công của hệ thống lãnh thổ du lịch.

DLCSSK xuất hiện hàng nghìn năm trước khi những người hành hương Hy Lạp đi từ vùng Địa Trung Hải rộng lớn đến vùng lãnh thổ nhỏ bé thuộc vịnh Saronic có tên gọi Epidauria. Vùng đất này vốn là nơi thờ vị thần chữa bệnh Asklepios [1]. Epidauria trở thành điểm du lịch chăm sóc sức khỏe đầu tiên với các suối nước khoáng cho bệnh nhân đến nghỉ ngơi, tắm và hồi phục cũng có thể được coi là hình thức đầu tiên của loại hình du lịch này. “Wellness” trong tiếng Anh hàm chứa ý nghĩa của hai từ “Healthy” và “Spiritual” tức ám chỉ sự khỏe mạnh về mặt thể chất và tinh thần. Quan điểm đơn giản về DLCSSK là đến một địa điểm nghỉ dưỡng với mục đích chăm sóc sức khỏe, thể chất kết hợp các yếu tố trị liệu tự nhiên và tập thể dục giúp duy trì sự cân bằng. Theo Choudhary và Qadir (2021) thì DLCSSK không chỉ đến các khu nghỉ dưỡng mà có thể bất kỳ nơi đâu giúp trẻ hóa, duy trì hoặc nâng cao sức khỏe của con người bằng cách sử dụng kỹ thuật không xâm lấn hoặc phương pháp tiếp cận toàn diện [2]. Loại hình du lịch được quyết định bởi mục đích của du khách cho nên DLCSSK là chuyến hành trình của của những người có động cơ duy trì hoặc nâng cao sức khỏe, hạnh phúc của mình và thường lưu trú ít nhất một đêm tại cơ sở đó [3, 4]. Viện Sức khỏe toàn cầu (Global Wellness Institute, 2018 [5]) cho rằng DLCSSK gắn liền với việc duy trì, nâng cao sức khỏe cá nhân, giúp ngăn ngừa bệnh tật, giảm mức độ căng thẳng và tăng cường sức khỏe, là quá trình chủ động chăm sóc sức khỏe ở các khía cạnh tinh thần, cảm xúc, thể chất, xã hội và môi trường. Tiếp cận địa lý học, DLCSSK là loại hình du lịch để nghỉ ngơi, nâng cao và chăm sóc sức khỏe bằng cách sử dụng trực tiếp các đặc tính khí hậu, nước khoáng, bùn trị liệu, cảnh quan thiên nhiên và các nguồn tài nguyên hỗ trợ chăm sóc sức khỏe khác [6]. Các nguồn lực tăng cường sức khỏe chính là liệu pháp khí hậu (climatic therapy), liệu pháp tắm khoáng (balneotherapy), liệu pháp tắm bùn (pelotherapy), liệu pháp điều trị bằng nước biển (thalassotherapy), liệu pháp sử dụng không khí miền núi (air therapy), trị liệu bằng vi khí hậu hang động (speleotherapy) và

liệu pháp thảo dược (herbal therapy). Như vậy, DLCSSK là loại hình du lịch để nghỉ ngơi, nâng cao và chăm sóc sức khỏe bằng cách sử dụng trực tiếp các tài nguyên thiên nhiên cũng như các nguồn lực làm tăng hoặc ổn định, phục hồi thể chất, tinh thần và tình trạng khỏe mạnh hay hạnh phúc.

Loại hình DLCSSK là một siêu thị trường trong thế kỷ XXI bởi sự căng thẳng của con người, xu hướng dịch vụ được cá nhân hóa, xu hướng già hóa dân số là nhân tố thúc đẩy sự phát triển của chúng và loại hình du lịch này giúp du khách trở nên thư giãn, thoải mái, hết mệt mỏi, uể oải trong quá trình trải nghiệm du lịch. Các nghiên cứu cho thấy DLCSSK gồm ba bộ phận là trị liệu - phục hồi chức năng, trị liệu – tăng cường sức khỏe và giải trí. Các sản phẩm của DLCSSK cũng rất đa dạng từ những sản phẩm cung cấp lối sống lành mạnh cho du khách như chế độ ăn uống, tắm hòa hợp thiên nhiên, đi bộ ngắn ngày hoặc dài ngày, trò chơi vận động (du thuyền, chèo thuyền kayak, nhảy dù, cưỡi ngựa,...) cho đến những bài tập tăng cường sức khỏe gồm spa, võ thuật, thái cực quyền, sinh sống trong “làng trường thọ” [7] và các bài tập trị liệu bằng xoa bóp bấm huyệt, chỉnh hình kết hợp thảo dược cũng rất cần thiết. Bên cạnh đó, sản phẩm tham quan các điểm đến, trải nghiệm các sự kiện biểu diễn văn hóa (hòa nhạc, sân khấu, lễ hội nghệ thuật, chương trình dân gian,...), hay các sự kiện giải trí và thể thao. Mục đích của du khách là có lối sống lành mạnh, tái tạo cơ thể và tự khám phá nhưng hạn chế sự tác động xấu tới môi trường điểm đến. Loại hình du lịch này khuyến khích sử dụng phương tiện giao thông công cộng, hỗ trợ hệ sinh thái bản địa, cung cấp thực phẩm có nguồn gốc địa phương đồng thời quảng bá và bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc. Theo Connell (2006) thì DLCSSK có điểm tương đồng với du lịch sức khỏe (health tourism), du lịch dịch vụ spa (spa tourism), du lịch chữa bệnh (medical tourism) là cùng dành thời gian rảnh rỗi để cải thiện sức khỏe của du khách cả về vật chất và tinh thần. Bên cạnh đó, DLCSSK cũng gắn kết mật thiết với du lịch cho người cao tuổi (age tourism), du lịch tình nguyện (volunteer tourism), du lịch thể

thao & trải nghiệm (sports and adventure tourism), du lịch yoga - tâm linh (yoga and spiritual tourism) và du lịch tôn giáo (religious tourism) [8, 9]. Theo báo cáo của Global Wellness Institute (GWI), năm 2017 ngành Du lịch sức khỏe toàn cầu đạt giá trị 639 tỷ USD, năm 2022 trung bình, cứ 6 đô la Mỹ chi tiêu cho du lịch trên toàn cầu thì 1 đô la Mỹ thuộc về thị trường chăm sóc sức khỏe. Trong vòng 5 năm qua, châu Á dẫn đầu về cả số lượng chuyến đi lẫn doanh thu DLCSSK [5]. Từ những số liệu đó có thể thấy vai trò cực kỳ quan trọng của DLCSSK trên thế giới. Nhiều quốc gia đã sớm nhận biết hướng mới trong ngành du lịch và lợi dụng ưu thế để phát triển DLCSSK, tiêu biểu là Nhật Bản với thể mạnh về spa khoáng nóng, Indonesia với resort giữa thiên nhiên, Ấn Độ với thiền, yoga,... Khu vực phát triển nhanh, thành công nhất cho hình thức du lịch này là châu Á và DLCSSK đã trở nên phổ thông hơn, đại chúng hơn, với lượng khách du lịch ngày càng đông.

Tỉnh Đắk Lắk trải dài từ 107°28'57" đến 108°59'37" kinh Đông và từ 12°9'45" đến 13°25'06" vĩ Bắc [10], nằm ở trung tâm và là hạt nhân kinh tế-văn hóa vùng Tây Nguyên. Tỉnh có thành phố (Tp) Buôn Mê Thuột, thị xã (Tx) Buôn Hồ và 13 huyện (H) với 184 đơn vị hành chính cấp xã (152 xã, 20 phường và 12 thị trấn). Đắk Lắk có nguồn tài nguyên du lịch phong phú, độc đáo cả về tự nhiên và văn hóa. Nơi đây có tiềm năng to lớn cho phát triển DLCSSK với địa hình cao nguyên phân hóa, hệ thống hai vườn quốc gia (VQG) và năm khu bảo tồn có giá trị sinh vật nổi bật như thảm thực vật khác biệt theo độ cao như rừng khộp, rừng thông 5 lá, rừng lùn đỉnh núi cao; nhiều loài được liệt kê quý hiếm, cùng điều kiện khí hậu cao nguyên dễ chịu. Nơi đây có 49 dân tộc cùng sinh sống trong quá trình lịch sử lâu dài, với 32 di tích lịch sử có giá trị đã tạo nên một Không gian văn hóa cộng chiêng hấp dẫn du khách. Những đồn điền cà phê nở trắng như bông vào mùa hoa, những cánh đồng đỗ rục hạt cà phê chín, vườn cây ăn trái xanh ngọt mùa thu hoạch và văn hóa Voi đã đi vào dòng máu, suy nghĩ đồng bào cao nguyên Buôn Mê Thuột, đã trở thành biểu tượng của mảnh đất cao nguyên, trở thành nguồn lực to lớn cho phát triển DLCSSK.

Giai đoạn 2018 – 2022 mặc dù chịu ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 nhưng tổng lượng khách đến Đắk Lắk đạt gần 4 triệu lượt, tạo doanh thu 3.668 tỷ đồng [11]. Đến năm 2023, khách trong nước ước đón 1.136.460 lượt đạt 109,16% so với kế hoạch và khách quốc tế đạt 201,60% kế hoạch với 30.240 lượt [12]. Cùng với sự phát triển nhanh đã xuất hiện những dấu hiệu không bền vững, vượt ngoài tầm quản lý đã tạo ra sức ép lớn cho khả năng chịu tải của tài nguyên và môi trường du lịch. Công tác nghiên cứu, đánh giá điều kiện địa lý và tài nguyên du lịch trở nên vô cùng quan trọng, bởi nó quyết định vận hành thành công hệ thống lãnh thổ du lịch. Vì vậy, xác định tiềm năng DLCSSK tỉnh Đắk Lắk là một trong những nhiệm vụ cần thiết.

2. Phương pháp nghiên cứu

Mô hình ra quyết định đa chi tiêu (MCDM) vận dụng trong nghiên cứu là sự kết hợp của sáu phương pháp chính gồm phương pháp khảo sát thực địa, phân tích tổng hợp tài liệu, phân tích chuỗi, bản đồ, điều tra xã hội học, phân tích thứ bậc AHP kết hợp VIKOR. Bên cạnh đó, phương pháp bản đồ cũng được vận dụng trong thành lập, biên tập bản đồ sinh khí hậu du lịch tỉnh Đắk Lắk và bản đồ mức độ thuận lợi cho phát triển DLCSSK. Phương pháp điều tra xã hội học với đối tượng phỏng vấn gồm khách du lịch (nội địa và quốc tế) với 468 phiếu phân bố ở hầu hết các điểm đến thuộc 5 vùng địa lý du lịch. Bên cạnh đó, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn sâu 20 cán bộ quản lý du lịch tại Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Đắk Lắk; Trung tâm Thông tin Xúc tiến Du lịch Đắk Lắk; Phòng văn hóa và thông tin tại thành phố Buôn Mê Thuột, thị xã Buôn Hồ và 13 huyện. Phiếu hỏi được thiết kế dựa trên thang đo likert 5 mức, làm căn cứ đánh giá tiềm năng DLCSSK địa phương.

Phương pháp phân tích thứ bậc AHP (Analytic Hierachy Process) kết hợp VIKOR (Vise Kriterijumska Optimizacija I Kompromisno Resenje): phân tích thứ bậc do Saaty nghiên cứu và sau đó phát triển từ những năm 80, đây là một phương pháp tính toán trọng

số. Ma trận gồm n dòng và n cột (n là số chỉ tiêu), phần tử a_{ij} sẽ thể hiện mức độ quan trọng của chỉ tiêu hàng i so với chỉ tiêu cột j .

Mức độ quan trọng tương đối của chỉ tiêu i so với j được tính theo tỷ lệ k (k từ 1 đến 9),

ngược lại của chỉ tiêu j so với i là $1/k$. Như vậy $a_{ij} > 0$, $a_{ij} = 1/a_{ji}$, $a_{ii} = 1$.

$$A = (a_{ij})_{n \times n} = \begin{bmatrix} 1 & a_{12} & \dots & a_{1n} \\ a_{21} & 1 & \dots & a_{2n} \\ \vdots & \vdots & \ddots & \vdots \\ a_{n1} & a_{n2} & \dots & 1 \end{bmatrix}$$

Bảng 1. So sánh chỉ tiêu dựa trên phương pháp phân tích thứ bậc của AHP

Mức quan trọng	Giá trị	Giải thích
Quan trọng như nhau	1	Hai biến đóng góp ngang nhau
Quan trọng bằng nhau cho đến vừa phải	2	
Quan trọng vừa phải	3	Sự ưu tiên vừa phải cho một biến
Quan trọng từ vừa phải đến hơi quan trọng hơn	4	
Hơi quan trọng hơn	5	Ưu tiên mạnh cho một biến
Hơi quan trọng hơn đến rất quan trọng	6	
Rất quan trọng	7	Một biến rất quan trọng
Rất quan trọng đến vô cùng quan trọng	8	
Vô cùng quan trọng	9	Được ưu tiên mức cao nhất

VIKOR có nghĩa là phân hạng thứ tự ưu tiên được giới thiệu lần đầu tiên bởi Opricovic và Tzeng (2002). Các bước thực hiện phương pháp VIKOR gồm:

Bước 1: xác định giá trị tốt nhất f_i^* và giá trị xấu nhất f_i^- của tất cả các tiêu chí C_i ($i = 1, 2, \dots, n$). Nếu tiêu chí j là tiêu chí lợi nhuận: $f_i^* = \max_j f_{ij}$ và $f_i^- = \min_j f_{ij}$. Nếu tiêu chí j là

tiêu chí chi phí hoặc rủi ro: $f_i^* = \min_j f_{ij}$ và

$f_i^- = \max_j f_{ij}$. Với j : các giải pháp từ a_1, a_2

, ..., a_j ; i : các tiêu chí từ $C_1, C_2, \dots, C_n$; w_i : trọng số của các tiêu chí, thể hiện tầm quan trọng j ;

f_{ij} : giá trị của tiêu chí C_i , giải pháp a_j .

Bảng 2. Ma trận đa tiêu chí

Tiêu chí	Trọng số	Giải pháp				$\max_j$	$\min_j$
		a_1	L	a_i	L	a_j	
C_1	w_1	f_{11}	L	f_{j1}	L	f_{1j}	f_1^*
M	M	M	M	M	M	M	M
C_i	w_i	f_{i1}	L	f_{ij}	L	f_{jj}	f_i^*
M	M	M	M	M	M	M	M
C_n	w_n	f_{n1}	L	f_{nj}	L	f_{nj}	f_n^*
							f_n^-

Bước 2: chuẩn hóa ma trận và tính toán giá trị S_i (sự tiện ích) và R_i (sự hối tiếc riêng rẽ):

Đặt $r_{ij} = (|f_i^* - f_{ij}| / |f_i^* - f_i^-|)$, theo Hình 1.

Tính toán các giá trị S_i và R_i :

$$S_{ij} = \sum_{i=1}^n (|f_i^* - f_{ij}| / |f_i^* - f_i^-|) = \sum_{i=1}^n w_i r_{ij};$$

$$R_j = \max_i [w_i (|f_i^* - f_{ij}| / |f_i^* - f_i^-|)] = \max_i [w_i r_{ij}]$$

Bước 3: tính toán giá trị Q_j , $j=1, 2, \dots, J$:
 Thông thường $\nu = 0.5$ (Trọng số của nhóm tiện ích).
 $Q_j = \nu(S_j - S^+) / (S^- - S^+) + (1 - \nu)(R_j - R^+) / (R^- - R^+)$

$$\begin{array}{c} \text{Alternatives} \\ a_1 L \quad a_i L \quad a_j \end{array} \begin{array}{c} c_1 \\ M \\ c_i \\ M \\ c_n \end{array} \begin{bmatrix} f_{11} & L & f_{j1} & L & f_{1j} \\ M & & M & & M \\ f_{i1} & L & f_{ij} & L & f_{ij} \\ M & & M & & M \\ f_{n1} & L & f_{nj} & L & f_{nj} \end{bmatrix} \begin{array}{c} \text{normalized} \\ \Rightarrow \\ \times w_i \end{array}$$

Ma trận ban đầu

Với $S^+ = \min_j S_j$ và $S^- = \max_j S_j$;
 $R^+ = \min_j R_j$ và $R^- = \max_j R_j$.

$$\begin{array}{c} \text{Alternatives} \\ a_1 L \quad a_i L \quad a_j \end{array} \begin{array}{c} c_1 \\ M \\ c_i \\ M \\ c_n \end{array} \begin{bmatrix} w_1 r_{11} & L & w_j v_{1j} & L & w_1 v_{1j} \\ M & & M & & M \\ w_1 v_{i1} & L & w_j v_{ij} & L & w_n v_{ij} \\ M & & M & & M \\ w_1 v_{n1} & L & w_j v_{nj} & L & w_n v_{nj} \end{bmatrix}$$

Ma trận chuẩn hóa

Hình 1. Chuẩn hóa ma trận từ ma trận ban đầu.

Bước 4: xếp hạng các giải pháp xếp hạng theo giá trị S_i , R_i , Q_i với thứ tự nhỏ nhất đến lớn nhất. Phương án có Q_i nhỏ nhất là lựa chọn tốt nhất.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Đặc điểm địa lý thuận lợi cho phát triển du lịch chăm sóc sức khỏe

Các điều kiện địa lý tự nhiên như tài nguyên địa hình, khí hậu nhiệt đới gió mùa cao nguyên, hệ thống thủy văn đa dạng, tài nguyên sinh vật phong phú đặc trưng, giá trị văn hóa bản địa và hệ thống cơ sở cung ứng cho du lịch tỉnh Đắk Lắk ngày càng hoàn thiện là tài nguyên quan trọng phục vụ phát triển DLCSK địa phương.

Tài nguyên địa hình thuận lợi cho nghỉ dưỡng: độ cao địa hình thuận lợi cho nghỉ dưỡng, với các dãy núi hùng vĩ bao bọc phía đông và nam lãnh thổ, có bề mặt bóc mòn điển hình. Với dãy núi Chư Yang Sin ở phía nam có đỉnh 2442 m – nóc nhà thứ hai của Tây Nguyên và rìa đông là dãy Chư Dju (cao 500-900 m) [10]. Cao nguyên bazan cổ dạng vòm, dạng mảnh sót nổi trội và khác biệt, điển hình nhất là cao nguyên Buôn Ma Thuật hình dạng như một quả bơ theo phương á kinh tuyến nằm tại trung tâm của tỉnh có độ cao trung bình từ 700 m (khu vực chính giữa, trùng với quốc lộ 14) đến 400 – 500 m ở

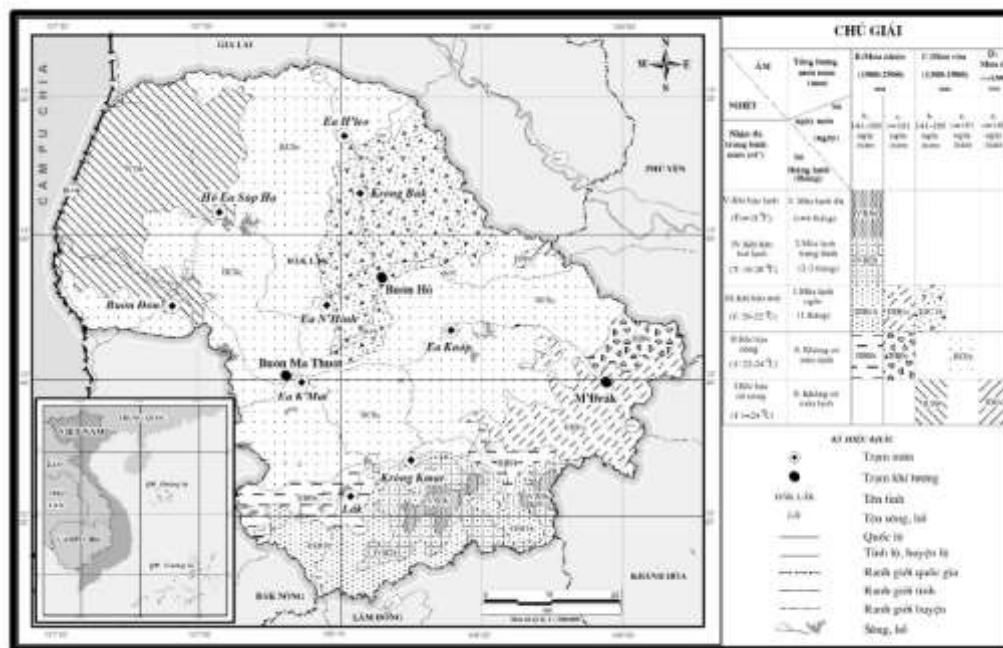
phía tây, nam và cũng là trung tâm du lịch của tỉnh. Không kém nổi bật là cao nguyên M'Đrăk nằm phía đông bắc dãy Chư Yang Sin có độ cao trung bình 500 m, xen các khối núi sót cao 700-1000 m [10]. Khu vực bán bình nguyên rộng lớn đậm chất Tây Nguyên là Buôn Đôn, Ea Súp có độ cao 140-250 m trong đó thấp nhất tại biên giới sông Sêrêpôk chảy vào Cam Pu Chia [10]. Các sông Sêrêpôk, Krông H'Năng, Ea H'Leo chảy qua cao nguyên Buôn Ma Thuật trên địa hình bị chia cắt mạnh, chênh lệch độ cao lớn đã tạo nên hệ thống 17 ghềnh thác [13] có cảnh quan hùng vĩ và nguyên sơ.

Khí hậu nhiệt đới cao nguyên phù hợp cho DLCSK: Đắk Lắk chịu sự tác động của hai hệ thống gió mùa đối lập là gió mùa xích đạo và tín phong Bắc bán cầu cùng quy luật đai cao đã hình thành kiểu khí hậu “nhiệt đới gió mùa cao nguyên” hay khí hậu “nhiệt đới cao nguyên”. Nhiệt độ trung bình năm 22-24 °C, biên độ nhiệt tháng từ 4-5 °C và biên độ nhiệt năm từ 10-12 °C, riêng cao nguyên Buôn Ma Thuật thì biên độ nhiệt có thể đến 19 °C. Tổng lượng nhiệt trung bình năm 8.000-9.000 °C và có tương quan chặt chẽ với độ cao địa hình, thấp nhất vùng núi Chư Jang Sin < 7.500 °C, Buôn Ma Thuật 8.600 °C, cao nhất Buôn Đôn >9.000 °C [14]. Độ ẩm không khí trung bình từ 85% đến 90%, mùa khô giảm xuống 70-75% đặc biệt các vùng Ea Súp, Buôn Đôn. Riêng khu vực Buôn Ma Thuật và Buôn

Hồ - Ea Hleo lại thừa ẩm (gần 90%). Bên cạnh đó, tốc độ gió trung bình 3-5 m/s và thay đổi tùy theo điều kiện địa hình. Mùa khô phía nam (hồ Lắk) tốc độ gió thấp nhất 1-3 m/s, phía đông (M'Đrăk) là 2-4 m/s trong khi trung tâm Buôn Ma Thuột cao nhất 5-6 m/s; còn vào mùa mưa tốc độ gió trung bình 2-3 m/s [14]. Đăk Lắk được chia thành 5 kiểu và 10 loại sinh khí hậu du lịch dựa theo nhiệt độ trung bình năm, số tháng lạnh, số ngày mưa và tổng lượng mưa. Trong đó vùng khí hậu thuận lợi cho du lịch gồm kiểu sinh khí hậu lạnh, hơi lạnh và mát thuận lợi như huyện Lắk, Krông Bông, phía tây nam M'Đrăk, Thị xã Buôn Hồ, Krông Năng, phía Đông Krông Búk (theo Hình 2).

Đăk Lắk có thảm rừng đa sinh thái và đặc hữu: hơn 3000 loài cây rừng thuộc 3 kiểu rừng là

kiểu rừng kín thường xanh trên núi, kiểu rừng kín nửa rụng lá, kiểu rừng thưa cây lá rộng & lá kim và được chia làm 9 loại rừng. Nơi đây có Vườn quốc gia Yok Đôn, một trong những VQG rộng nhất Việt Nam với diện tích 115.500 ha. Không những vậy, tỉnh còn có 4 khu rừng đặc dụng là VQG Chư Yang Sin (58.947 ha), Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Kar (21.912 ha), Khu bảo tồn thiên nhiên Ea Sô (24.017 ha) và Khu rừng lịch sử văn hóa môi trường Hồ Lắk (9.478,3 ha). Ngoài ra, Đăk Lắk còn có 2 khu bảo tồn loài thủy tùng (*Glyptostrobus pensilis*) là khu bảo tồn sinh cảnh Ea Ral (49 ha) và Trấp Ksor (100 ha) [15]. Nơi duy nhất tại Việt Nam cũng là một trong ba quốc gia của thế giới (gồm Trung Quốc, Lào) còn phân bố loại cây nguy cơ tuyệt chủng toàn cầu.



Hình 2. Bản đồ sinh khí hậu du lịch tỉnh Đăk Lắk (thu từ tỷ lệ 1: 100.000).

Thành phần dân tộc tại Đăk Lắk đa dạng, phong phú bậc nhất cả nước: với 49 tộc người cùng chung sống, thuộc 5 nhóm văn hóa dân tộc Việt-Mường, Tây-Thái, Môn-Khmer, H'Mông-Dao và Nam Đảo. Trong đó Người Kinh chiếm 70%, Ê đê là 12,3%, M'ông là 3,3% dân số [12]. Nơi đây hình thành ba dòng văn hóa giàu

bản sắc là văn hóa bản địa Trường Sơn-Tây Nguyên, văn hóa dân tộc thiểu số phía Bắc và văn hóa dân tộc Kinh [16]. Sự đa dạng tộc người tạo nên sự phong phú trong tín ngưỡng tâm linh, một “Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên” và 32 di tích lịch sử được xếp hạng.

Cơ sở cung ứng du lịch ngày càng hoàn thiện: năm 2023 toàn tỉnh có 242 cơ sở lưu trú trong đó có 02 khách sạn (KS) năm sao, 02 KS bốn sao, 06 KS ba sao, 07 KS hai sao, 17 KS một sao, 60 cơ sở chưa xếp hạng, 134 nhà nghỉ, 07 nhà khách, 04 homestays, 01 camping tại Buôn Đôn và 02 căn hộ du lịch [17]. Cơ sở lưu trú phân bố tới 80% tại thành phố Buôn Ma Thuột với hệ thống KS 1 đến 5 sao, rải rác KS 1 sao tại thị xã. Buôn Hồ, huyện Krông Pắc và Krông Búk. Đa phần hệ thống nhà nghỉ chưa đạt chuẩn, phân bố hầu hết 13 huyện (theo Bảng 3). Theo Trung tâm xúc tiến đầu tư Du lịch Đắk Lắk, thành phố Buôn Ma Thuột có 17 nhà hàng và 195 quán ăn, chiếm 85% toàn tỉnh; còn tại các huyện như Buôn Đôn có 11 cơ sở, Lắk là 10 cơ sở, Krông Ana với 4 cơ sở, Krông Năng là 3 cơ sở, M'Đrăk chỉ 2 cơ sở, Krông Bông có 7 cơ sở và Cư M'gar là 8 cơ sở có đăng ký kinh doanh. Bên cạnh đó, bộ phận lớn nhà hàng nhỏ và quán ăn xung quanh điểm đến

chưa được đăng ký giấy phép nhưng vẫn tham gia cung ứng cho du khách.

Căn cứ theo sự phân hóa không gian của tỉnh Đắk Lắk đã xác lập bộ tiêu chí phân vùng địa lý du lịch và chia tỉnh Đắk Lắk thành 5 vùng (V) gồm vùng 1. Buôn Đôn – Ea Súp; vùng 2. Buôn Ma Thuột; vùng 3. Chư Dju; vùng 4. Krông Ana – Krông Pắc – Ea Kar; vùng 5. Chư Yang Sin – Chư Mư [18]. Trên cơ sở đó, nghiên cứu tiếp tục phân vùng bước hai thành 10 tiểu vùng và vùng 4 đồng nhất không chia: TV1.1. Ea Súp, TV1.2. Buôn Đôn; TV2.1. Ea H'leo. – Buôn Hồ; TV2.2. Cư M'gar-BMT-Cư Kuin; TV3.1. Chư Prông, TV3.2. Chư Kung – Chư Su, TV3.3. M'Đrăk; V4. Krông Ana – Krông Pắc – Ea Kar; TV5.1. Nam Kar, TV5.2. Chư Yang Sin, TV5.3. Chư Mư [19]. Nghiên cứu đã sử dụng ranh giới vùng và tiểu vùng là đơn vị lãnh thổ trong đánh giá tiềm năng DLCSK tỉnh Đắk Lắk.

Bảng 3. Số lượng và phân bố của cơ sở lưu trú tại Đắk Lắk năm 2023

Hạng mục	Cơ sở	Phân bố (số lượng/huyện)
KS 5 sao	2	Thành phố Buôn Ma Thuột.
KS 4 sao	2	Thành phố Buôn Ma Thuột.
KS 3 sao	6	Thành phố Buôn Ma Thuột.
KS 2 sao	7	Thành phố Buôn Ma Thuột.
KS 1 sao	17	2/Thị xã Buôn Hồ, 1/ Huyện Krông Pắc, 1/ Huyện Krông Búk, 1/ Huyện Krông Năng, 12/Thành phố Buôn Ma Thuột.
KS chưa xếp hạng	60	1/Huyện Lắk, 1/ Thị xã Buôn Hồ, 1/Huyện Krông Năng, 57/Thành phố Buôn Ma Thuột.
Nhà nghỉ	134	11/Huyện Ea Kar, 6/H. Lắk, 6/H. Cư M'gar, 5/Huyện Buôn Đôn, 4/Huyện M'Đrăk, 3/Huyện Krông Năng, 7/Huyện Ea H'leo, 3/H. Krông Ana, 3/ Huyện Krông Bông, 5/ Huyện Buôn Hồ & Krông Búk, 1/Huyện Ea Súp, 1/Huyện Cư Kuil và 75/Thành phố Buôn Ma Thuột.
Nhà khách	7	6/Thành phố Buôn Ma Thuột, 1/H. Krông Năng.
Homestay	4	3/Thành phố Buôn Ma Thuột, 1/H. Cư M'gar.
Camping	1	Buôn Trí, Buôn Đôn.
Căn hộ du lịch	2	1/Buôn Ma Thuột, 1/Huyện Cư Kuil.

(Nguồn: Trung tâm xúc tiến và đầu tư du lịch tỉnh Đắk Lắk;

Ghi chú: 2/Thị xã Buôn Hồ = 2 cơ sở tại Thị xã Buôn Hồ).

3.2. Đánh giá tiềm năng cho phát triển du lịch chăm sóc sức khỏe

Nội dung đánh giá được thực hiện qua sáu bước: 1. Lựa chọn tiêu chí; 2. Phân cấp chỉ tiêu; 3. Xác định trọng số; 4. Xác định điểm chỉ tiêu theo hiện trạng; 5. Xếp hạng VIKOR; 6. Phân

loại mức độ thuận lợi. Tuy nhiên, trong bài báo chỉ thể hiện kết quả của bốn bước là phân cấp các chỉ tiêu thành phần, xác định trọng số của từng chỉ tiêu cũng như tiêu chí đánh giá, xếp hạng Vikor cùng phân loại mức độ thuận lợi cho phát triển DLCSK theo vùng và tiểu vùng địa lý du lịch. Với nội dung bước 1. Lựa chọn tiêu chí

được tích hợp vào bảng kết quả 4. Phân cấp chỉ tiêu đánh giá tiềm năng DLCSK tỉnh Đắk Lắk và riêng bước 4 do dữ liệu số lượng điểm du lịch toàn tỉnh sử dụng cho đánh giá lớn nên khó hiển thị trong bài báo. Trên cơ sở tổng quan công trình nghiên cứu kết hợp hiện trạng tỉnh Đắk Lắk, nghiên cứu đề xuất bộ tiêu chí đánh giá tiềm năng DLCSK gồm 9 tiêu chí là độ cao, nhiệt độ, lượng mưa, độ ẩm, gió, chỉ số đánh giá khí hậu cho nghỉ dưỡng, môi trường cảnh quan du lịch, khả năng tiếp cận, cơ sở hạ tầng du lịch

phục vụ nghỉ dưỡng và được cụ thể thành 23 chỉ tiêu đánh giá.

i) Phân cấp chỉ tiêu đánh giá

Phân cấp các chỉ tiêu đánh giá thành phần thực chất là xây dựng bảng cơ sở phân cấp thang điểm đánh giá. Bộ tiêu chí lựa chọn chia làm 4 cấp từ “tiềm năng rất cao” đến “tiềm năng thấp”, tương ứng với điểm 4,3,2,1. Cụ thể như chỉ tiêu “nhiệt độ trung bình năm” đạt 18-24 °C = 4 điểm, đạt 24-27 °C = 3 điểm, đạt 27-29 °C = 2 điểm, > 29 °C = 1 điểm, những chỉ tiêu khác cũng được phân cấp tương tự và cụ thể trong Bảng 4.

Bảng 4. Phân cấp chỉ tiêu đánh giá tiềm năng DLCSK tỉnh Đắk Lắk

Du lịch nghỉ dưỡng		Mức tiềm năng					Nguồn tham khảo phân cấp chỉ tiêu
		Đơn vị	Rất cao (4 điểm)	Cao (3 điểm)	Khá (2 điểm)	Thấp (1 điểm)	
Độ cao	Độ cao địa hình.	m	>1000	801 – 1000	601- 800	<600	Quy luật đai cao và khảo sát thực địa.
Nhiệt độ	Nhiệt độ trung bình (TB) năm.	°C	18-24	(>24)-27	(>27)-29	>29	Nguyễn Minh Tuệ, 2017 [20].
	Nhiệt độ TB tháng nóng nhất.	°C	24-27	(>27)-29	(>29)-32	>32	Nguyễn Minh Tuệ, 2017 [20].
	Biên độ nhiệt TB năm.	°C	<=6	(>6)-8	(>8)-14	>14	Nguyễn Minh Tuệ, 2017 [20].
	Nhiệt độ hiệu dụng	°C	Vùng nhiệt độ dễ chịu (20-25)	Vùng nhiệt cảm giác nóng (>25-30)	Vùng nhiệt giới hạn lạnh (<17)	Vùng nhiệt cảm giác nóng, khó chịu (>30)	Nguyễn Khanh Vân, 2006 [21].
Lượng mưa	Lượng mưa TB năm.	mm	1250-1900	(>1900)-2550	>2550	<1250	Đặng Duy Lợi, 1992 [22].
	Số tháng hạn.	Tháng	3	4	5	6	Khảo sát thực địa.
Độ ẩm	Độ ẩm TB năm.	%	30-80	-	-	>80 hoặc < 30	Đào Ngọc Phong, 1972 [23].
Gió	Vận tốc gió.	m/s	2-3	1,5	1-1,5	1	Nguyễn Khanh Vân, 2006 [21].
Chỉ số đánh giá khí hậu cho nghỉ dưỡng	Chỉ số bất tiện nghỉ (DI).	°C	<24	24-26	(>26)-28	>=28	Nguyễn Khanh Vân, 2006 [21].
	Chỉ số tương đối căng thẳng (RSI).	-	< 0,1	(>0,1)-0,3	(>0,3)-0,5	> 0,5	Balafoutis and Makrogiannis, 2003 [24].

Du lịch nghỉ dưỡng		Mức tiềm năng					Nguồn tham khảo phân cấp chỉ tiêu
		Đơn vị	Rất cao (4 điểm)	Cao (3 điểm)	Khá (2 điểm)	Thấp (1 điểm)	
	Kiểu sinh khí hậu du lịch.	-	Kiểu V	Kiểu IV	Kiểu III	Kiểu II, I	Thực tế địa phương, Nguyễn Khanh Vân, 2006 [21].
Khả năng tiếp cận	Mật độ đường giao thông.	Km/km ²	> 0,581	0,580-0,417	(>0,417)-0,252	<0,252	Safarabadi, 2016 [25] và bản đồ.
	Mật độ cơ sở y tế.	Cơ sở/km ²	>0,049	0,049-0,033	(>0,033)-0,018	< 0,018	Safarabadi, 2016 [25] và bản đồ.
Cơ sở hạ tầng du lịch phục vụ nghỉ dưỡng	Cơ sở lưu trú xếp hạng từ 3 sao.	Cơ sở	>19	19-13	14-6	<6	Dựa theo cơ sở luận về DLCSSK, điều tra khảo sát và số liệu của Trung tâm xúc tiến Du lịch tỉnh Đắk Lắk.
	Số cơ sở nghỉ dưỡng.	Cơ sở	>10	10-7	6-3	<3	
	Số cơ sở ăn uống.	Cơ sở	>636	636-425	424-212	<212	
	Số cơ sở chăm sóc sức khỏe.	Cơ sở	>27	27-19	18-9	<9	
	Số cơ sở phục vụ thể dục thể thao.	Cơ sở	>7	7-5	4-2	<2	
	Số cơ sở vui chơi giải trí.	Cơ sở	>7	7-5	4-2	<2	
Môi trường và cảnh quan du lịch	Đánh giá của du khách về môi trường không khí.	Thang likert	Rất trong lành (>3,76)-5	Trong lành (>2,5)-3,75	Trung bình (1,25)-2,5	Kém trong lành (<1,25)	Điều tra xã hội học tỉnh Đắk Lắk.
	Độ phong phú TNDL.	Điểm	> 22	22-16	15-9	<9	Nguyễn An Thịnh, 2006 [26] và khảo sát.
	Độ ưu thế TNDL tự nhiên.	-	> 0,520	0,520-(>0,347)	0,347 - 0,173	<0,173	Nguyễn An Thịnh, 2006 [26] và khảo sát.

Nguồn: Tổng hợp tài liệu, khảo sát & điều tra xã hội học.

Trong đó, các chỉ số đánh giá khí hậu cho DLCSSK gồm: Thứ nhất, chỉ số bất tiện nghỉ (DI: Discomfort Index) được đưa ra bởi Thom, 1959. $DI = 0,4(t_k + t_u) + 4,8$. Thông số t_k là nhiệt độ không khí khô và t_u là nhiệt độ không khí ướt. Thứ hai chỉ số căng thẳng tương đối (RSI: Relative Strain Index) của Burton (1944), với các điều kiện chuẩn (người mặc áo màu sáng, đi bộ với vận tốc 4 km/giờ và tốc độ gió là 0,5 m/s).

Trong đó: e là sức trương hơi nước trong không khí (N/m^2 hoặc mbar; mmHg); T : là nhiệt độ không khí ($^{\circ}C$); H : là độ ẩm không khí (%).

$$RSI = \frac{[10,7 + 0,74(T - 35)]}{(44 - e)}$$

$$\text{Mà } e = 0,254 \times H(0,00739T + 0,807)$$

ii) Xác định trọng số chỉ tiêu đánh giá

Kết quả xác định trọng số đã chỉ ra các tiêu chí rất quan trọng như chỉ số đánh giá khí hậu cho chăm sóc sức khỏe (0,603), khí hậu bao gồm nhiệt độ, độ ẩm, vận tốc gió, lượng mưa (0,258), cơ sở hạ tầng du lịch phục vụ nghỉ dưỡng (0,053). Ngoài ra, địa hình (0,039), môi trường và cảnh quan du lịch (0,027), khả năng tiếp cận (0,02) cũng cần thiết để tổ chức lãnh thổ DLCSSK. Trong tiêu chí chỉ số về khí hậu có

kiểu sinh khí hậu với trọng số cao nhất, tiêu chí khí hậu thì nhiệt độ hiệu dụng, nhiệt độ trung bình năm và nhiệt độ trung bình tháng nóng nhất giữ vai trò quan trọng. Tiêu chí cơ sở hạ tầng du lịch phục vụ nghỉ dưỡng thì chỉ tiêu số cơ sở nghỉ dưỡng và cơ sở lưu trú xếp hạng từ 3 sao giữ vai trò then chốt quyết định tính khả thi cho tổ chức DLCSSK.

Bảng 5. Trọng số của tiêu chí và chỉ tiêu đánh giá mức độ thuận lợi cho DLCSSK

TT	Tiêu chí	Trọng số (W1)	Chỉ tiêu	Trọng số (W2)	Trọng số tổng (W1*W2)
1	Địa hình	0,039	Độ cao địa hình	1	0,039
2	Khí hậu	0,258	Nhiệt độ TB năm	0,186	0,007254
3			Nhiệt độ TB tháng nóng nhất	0,186	0,007254
4			Biên độ nhiệt trung bình năm	0,051	0,001989
5			Nhiệt độ hiệu dụng	0,325	0,012675
6			Lượng mưa trung bình năm	0,077	0,003003
7			Số tháng hạn	0,025	0,000975
8			Độ ẩm trung bình	0,116	0,004524
9			Vận tốc gió	0,035	0,001365
10	Chỉ số đánh giá khí hậu cho nghỉ dưỡng	0,603	Chỉ số bất tiện nghỉ (DI)	0,33	0,19899
11			Chỉ số tương đối căng thẳng (RSI)	0,33	0,19899
12			Kiểu sinh khí hậu du lịch	0,34	0,20502
13	Khả năng tiếp cận	0,02	Mật độ đường giao thông	0,67	0,0134
14			Mật độ cơ sở y tế	0,33	0,0066
15	Cơ sở hạ tầng DL phục vụ nghỉ dưỡng	0,053	Cơ sở lưu trú xếp hạng từ 3 sao	0,247	0,013091
16			Số cơ sở nghỉ dưỡng	0,378	0,020034
17			Số cơ sở ăn uống	0,117	0,006201
18			Số cơ sở chăm sóc sức khỏe	0,157	0,008321
19			Số cơ sở phục vụ thể dục thể thao	0,039	0,002067
20			Số cơ sở vui chơi giải trí	0,062	0,003286
21	Môi trường và cảnh quan du lịch	0,027	Đánh giá của du khách về môi trường không khí	0,163	0,004401
22			Độ phong phú của TNDL	0,297	0,008019
23			Độ ưu thế của TNDL tự nhiên	0,54	0,01458

Nguồn: Kết quả tính từ phiếu phỏng vấn chuyên gia.

Sau đó nghiên cứu tiếp tục xác định điểm đánh giá thành phần cũng như bốn bước thực hiện phương pháp phân hạng VIKOR gồm xác định giá trị tốt nhất – xấu nhất; chuẩn hóa ma trận và tính toán giá trị Si, Ri và tính toán giá trị Qi.

iii) Mức độ thuận lợi cho phát triển du lịch chăm sóc sức khỏe

Trên cơ sở kết quả xếp hạng VIKOR, nghiên cứu tiến hành phân khoảng mức độ thuận lợi của điều kiện địa lý, tài nguyên cho phát triển DLCSSK.

Kết quả đánh giá điều kiện địa lý, tài nguyên cho phát triển DLCSSK cho thấy, có hai tiểu vùng ĐLĐL rất thuận lợi TV5.2, TV3.2; Có ba tiểu vùng khá thuận lợi là TV3.3, TV5.1 và TV5.3. Đây là các tiểu vùng thuộc địa hình núi trung bình hoặc núi thấp có chỉ số đánh giá khí hậu phù hợp với nghỉ dưỡng, môi trường không khí trong sạch dễ chịu và chất lượng cơ sở hạ tầng du lịch phục vụ nghỉ dưỡng tốt. Hai tiểu vùng ĐLĐL thuận lợi trung bình là TV2.1,

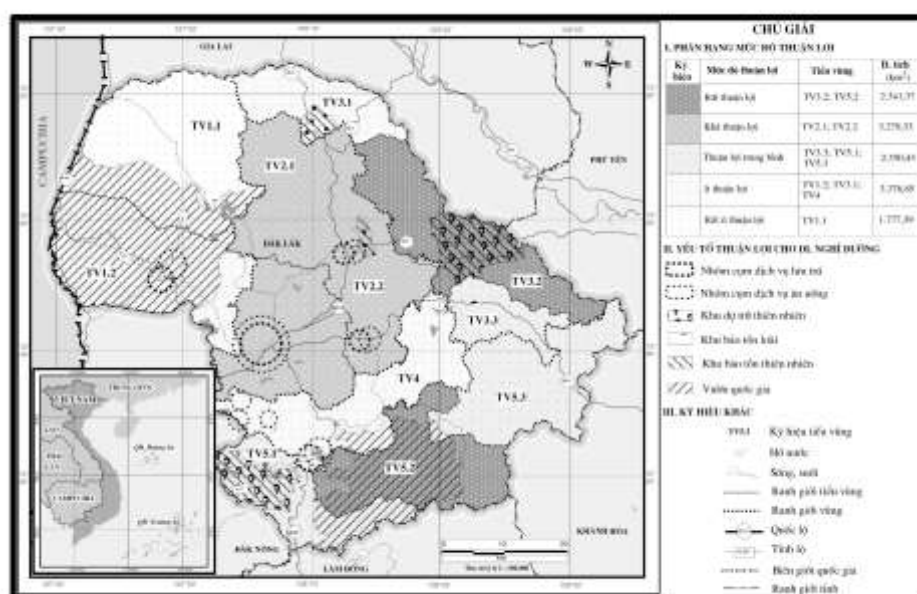
TV2.2 còn V4, TV3.1 và TV1.2 là ít thuận lợi và TV1.1 là rất ít thuận lợi. Đây là những tiểu vùng có nhiệt độ, lượng mưa, độ ẩm và các chỉ số D_I, RSI và kiểu sinh khí hậu không nằm trong

ngưỡng thuận lợi cho du lịch gồm vùng cao nguyên, bán bình nguyên, vùng bằng trũng giữa núi được thể hiện trong Hình 3.

Bảng 6. Kết quả phân loại mức độ thuận lợi cho DLCSSK

Tiểu vùng	S _i	R _i	Q _i	Phân loại thích nghi
TV11	0,7566	0,2050	1,0000	Rất ít thuận lợi
TV12	0,5183	0,2050	0,6517	Ít thuận lợi
TV2.1	0,3998	0,1990	0,4786	Thuận lợi trung bình
TV2.2	0,4711	0,1990	0,5828	Thuận lợi trung bình
TV3.1	0,5082	0,1990	0,6369	Ít thuận lợi
TV3.2	0,2141	0,0995	0,2072	Rất thuận lợi
TV3.3	0,3154	0,1025	0,3552	Khá thuận lợi
V4	0,5026	0,1990	0,6288	Ít thuận lợi
TV5.1	0,0918	0,0200	0,0284	Khá thuận lợi
TV5.2	0,0723	0,0200	0,0000	Rất thuận lợi
TV5.3	0,2962	0,1025	0,3272	Khá thuận lợi

(Q_i càng nhỏ thì mức độ ưu tiên phát triển càng cao).



Hình 3. Bản đồ mức độ thuận lợi cho phát triển du lịch sinh thái.

3.3. Tổ chức lãnh thổ du lịch chăm sóc sức khỏe

Dựa trên kết quả đánh giá mức độ thuận lợi cho phát triển DLCSSK, những tiểu vùng “rất thuận lợi” được lựa chọn làm “cụm DLCSSK hạt nhân”, còn những tiểu vùng “khá thuận lợi” thì chọn làm “cụm DLCSSK hỗ trợ”:

Cụm DLCSSK hạt nhân: theo kết quả đánh giá, nghiên cứu xác lập được hai cụm hạt nhân là TV5.2 (khu du lịch trọng điểm là vùng đệm VQG Chư Yang Sin), TV5.1 (khu du lịch trọng điểm là vùng đệm KBT Nam Kar).

Cụm DLCSSK phụ trợ: là TV3.2 (khu du lịch trọng điểm là vùng đệm KBT Ea Sô và thác Thủy

Tiên) cùng TV5.3 (đặc trưng bởi khu vực quanh đỉnh Chư Mư), TV3.3 với khu du lịch sinh thái M'Đrăk được đầu tư lớn cùng thác Dray Knao. Nếu dựa trên cơ sở hạ tầng cung ứng cho chăm sóc sức khỏe thì thành phố Buôn Ma Thuột và khu du lịch hồ Lắk cũng có những điểm nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho du khách nhưng chỉ đạt mức khá thuận lợi.

Sản phẩm du lịch: các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng núi - cao nguyên - hồ kết hợp chăm sóc sức khỏe có thể đáp ứng cho những đối tượng khách có thu nhập cao, có thời gian lưu trú dài, sẵn sàng sử dụng các dịch vụ bổ trợ như chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng, chơi golf, casino,... Giải pháp ưu tiên áp dụng cho các tiểu vùng có tiềm năng DLCSSK nhưng hiệu quả phát triển chưa cao như TV5.2, TV3.2, TV3.3, TV5.3 và cụ thể:

Tiểu vùng 5.2. Chư Yang Sin và tiểu vùng 5.1. Nam Kar thuộc Khu bảo tồn thiên nhiên, nghiên cứu đề xuất các sản phẩm du lịch sinh thái nghỉ dưỡng núi – hồ dựa vào các hệ sinh thái rừng, môi trường tự nhiên, tài nguyên địa hình, khí hậu và văn hóa bản địa. Một số sản phẩm DLSCSK đặc trưng như tắm rừng (Shinrin-Yoku), trekking, hoạt động đi bộ; trò chơi vận động tạo lối sống lành mạnh, phục hồi sức khỏe bằng thảo dược (spa). Bên cạnh đó, tiểu vùng cần tăng cường công tác quảng bá du lịch; Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và nguồn tài nguyên; Xây dựng chương trình trải nghiệm nghỉ dưỡng ngoài trời cho du khách; Xây dựng cơ sở nghỉ dưỡng và điểm camping tại khu vực vùng đệm vườn quốc gia.

Tiểu vùng 3.2 Chư Kung – Chư Su và tiểu vùng TV5.3. Chư Mư đề xuất sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng núi – cao nguyên, chăm sóc sức khỏe bằng thực phẩm (Shojin Ryori) và thảo dược địa phương (spa), DLCSSK kết hợp giải trí, CSSK kết hợp du lịch nông thôn (rural wellness) dựa vào tài nguyên địa hình, cảnh quan thác nước, văn hóa ẩm thực địa phương, trang trại cà phê và cây ăn quả. Một số sản phẩm DLCSSK đặc trưng như tắm nắng, nghỉ dưỡng kết hợp trải nghiệm quy trình trồng cà phê, spa, khóa tu tâm linh kết hợp chế độ ăn lành mạnh (Shukubo). Dựa theo hiện trạng du lịch của hai tiểu vùng cần xây dựng cơ sở chăm sóc sức khỏe, thể dục thể thao, vui

chơi giải trí ăn uống gần thác Thủy Tiên và Dray Knao; Kêu gọi vốn đầu tư cho phát triển du lịch khu vực vùng đệm; Thúc đẩy công tác quảng bá du lịch; Ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển DLCSSK.

4. Kết luận

Đắk Lắk có giao thông liên vùng, liên quốc gia rất thuận lợi, với tài nguyên thiên nhiên đặc sắc, đa dạng cảnh quan từ rừng, hồ, thác nước cho đến cảnh quan nông nghiệp kết hợp nền khí hậu nhiệt đới gió mùa cao nguyên, hệ thống được liệu và tri thức văn hóa bản địa của 49 dân tộc cùng sinh sống tạo nên không gian văn hóa di sản thế giới công chiêng Tây Nguyên, là điều kiện địa lý thuận lợi cho phát triển DLCSSK. Vận dụng mô hình ra quyết định đa chi tiêu đã xác lập được sự phân hóa không gian cho phát triển DLCSSK gồm tiểu vùng ĐL DL TV5.2. Chư Yang Sin, TV3.2. Chư Kung – Chư Su rất thuận lợi, TV3.3. M'Đrăk, TV5.1. Nam Kar và TV5.3. Chư Mư là khá thuận lợi.

Trên cơ sở đánh giá mức độ thuận lợi, nghiên cứu đã đề xuất tổ chức lãnh thổ DLCSSK gồm hai cụm hạt nhân, ba cụm phụ trợ cùng các sản phẩm du lịch và giải pháp thúc đẩy DLCSSK. Tiểu vùng 5.2. Chư Yang Sin và tiểu vùng 5.1. Nam Kar khai thác du lịch nghỉ dưỡng núi – cao nguyên – hồ kết hợp chăm sóc sức khỏe với hoạt động nổi bật như tắm rừng, trekking, phục hồi sức khỏe bằng thảo dược. Tiểu vùng 3.2. Chư Kung – Chư Su và tiểu vùng TV5.3. Chư Mư phù hợp cho nghỉ dưỡng núi – cao nguyên kết hợp chăm sóc sức khỏe bằng thực phẩm và du lịch nông nghiệp nông thôn. Các nghiên cứu tiếp theo có thể xác lập hệ thống khu, điểm, tuyến DLCSSK tỷ lệ lớn cho từng tiểu vùng cũng như đề xuất giải pháp đầu tư chi tiết.

Tài liệu tham khảo

- [1] D. V. Nguyen, Wellness Tourism and Medical Tourism in Vietnam, Proceedings of the conference on in Vietnam, Proceedings of the Conference on Developing Wellness Tourism in Vietnam, Institute for Tourism Development Research, 2021, pp. 1-9 (in Vietnamese).

- [2] B. Choudhary, A. Qadir, Wellness Tourism in India During Post COVID-19 Era: Opportunities and Challenges, *Turizam*, Vol. 26, No. 3, 2022, pp. 134-143.
- [3] H. Mueller, Kaufmann et al., Wellness Tourism: Market Analysis of a Special Health Tourism Segment and Implications for the Hotel Industry, *Journal of Vacation Marketing*, Vol. 7, 2001, pp. 5-17.
- [4] C. Voigt, G. Brown, G. Howat, Wellness Tourists: in Search of Transformation, *Tourism Review*, Vol. 66, No. 1, 2012 pp. 16-30, <http://dx.doi.org/10.1108/16605371111127206>.
- [5] Global Wellness Institute, Global Wellness Tourism Economy, 2018, https://globalwellnessinstitute.org/wpcontent/uploads/2018/11/GWI_GlobalWellnessTourismEconomyReport.pdf (accessed on: May 4th, 2024).
- [6] M. Ordabayeva, S. Yessimzhanova, Development of Healthcare and Wellness Tourism Marketing, *International Review of Management and Marketing*, Vol. 6, No. 5, 2016, pp. 118-124.
- [7] X. Xie, Q. Guo, Y. Wu, Research on the Regional Characteristics of Small Wellness Tourism Town in China, *Ecological Economics Journal*, Vol. 34, 2018, pp. 150-154.
- [8] R. Bushell, P. J. Sheldon (Eds.), Chapter 5, Yoga Tourism, J. A. Knight, Wellness and Tourism: Mind, Body, Spirit, Place, New York, Cognizant Communication Corporation, 2009, pp. 84-95.
- [9] R. Bushell, P. J. Sheldon (Eds.), Chapter 10, Outdoor Adventure Tourism, Wellness, and Place Attachment, C. Kulczycki & M. Luck, Wellness and Tourism: Mind, Body, Spirit, Place, New York, Cognizant Communication Corporation, 2009, pp. 165-176.
- [10] People's Committee of Dak Lak Province, Geography book of Dak Lak Province in 2015, Social Sciences Publishing House (in Vietnamese).
- [11] Dak Lak Province People's Committee, Promote Tourism Development to Become A Spearhead Economic Sector, <https://daklak.gov.vn/-/ay-manh-phat-trien-du-lich-tro-thanh-nganh-kinh-te-mui-nhon>, 2022 (accessed on: May 4th, 2024).
- [12] Dak Lak Statistics Office, Dak Lak Statistics Yearbook in 2023, Statistical Publishing House, 2024 (in Vietnamese).
- [13] T. Q. Hai, T. H. Phuong, N. Hieu, L. D. Hai, T. T. H. Huong, V. T. Giang, N. D. Minh, N. Q. Anh, T. T. Duong, N. N. Ha, Tourism in the Central Highlands, Scientific Arguments and Development Solutions, VNU Publishing House, 2019 (in Vietnamese).
- [14] Hydro-meteorological Station of Tay Nguyen, Report on Meteorological Monitoring Data at Stations in Dak Lak Province, 2017 (in Vietnamese).
- [15] Prime Minister (2023), Decision Approving the Dak Lak Provincial Planning for the Period 2021-2030 with a Vision to 2050, No. 1747/QD-TTg, December 30, 2023 (in Vietnamese).
- [16] N. D. Thinh, Regional Culture and Cultural Zoning of Vietnam, Ho Chi Minh City National University Publishing House, 2019 (in Vietnamese).
- [17] Dak Lak Tourism Information and Promotion Center, List of Accommodation Establishments and Restaurants in Dak Lak Province in 2023, Dak Lak, 2024 (in Vietnamese).
- [18] T. B. Huong (Eds), Chapter 4, Tourism Planning in the Central Highlands: Policies and Practices, D. T. Thuy, P. Q. Tuan, T. Q. Hai, B. T. Huong, T. D. Thanh, T. P. Giang, in *Vietnam Tourism: Policies and Practices*, CABI Publishing House, 2022, pp. 45-62, <http://doi.org/10.1079/9781789242782.0001>.
- [19] D. T. Thuy, P. Q. Tuan, T. Q. Hai, An Assessment of Ecotourism Potentials in Dak Lak Province, *Journal of Science*, Ho Chi Minh City University of Education, Vol. 20, No. 6, 2023, pp. 1004-1017, <https://doi.org/10.54607/hcmue.js.20.6.3814> (in Vietnamese).
- [20] N. M. Tue, V. D. Hoa, Tourism Geography: Theoretical Basis and Practical Development in Vietnam, Vietnam Education Publishing House Limited Company, 2017 (in Vietnamese).
- [21] N. K. Van, Textbook Bioclimatic Foundations, University of Education Publisher, 2006 (in Vietnamese).
- [22] D. D. Loi, Evaluation and Exploitation of Natural Conditions and Natural Resources of Ba Vi District for Tourism, PhD Thesis in Geography, 1992 (in Vietnamese).
- [23] D. N. Phong, Weather and Disease, Medical Publishing House, 1972 (in Vietnamese).
- [24] C. J. Balafoutis, T. J. Makrogiannis, Hourly Discomfort Conditions in the City of Thessa-loniki (North Greece) Eddtimated by the Relative Strain Index (RSI), Fifth International Conference on Urban Climate in Lodz, Poland, 2003, pp. 678-689.
- [25] A. Safarabadi, Assessing Ecotourism Potential for Sustainable Developmet of Coastal Tourism in Qeshm Island, Iran, *European Journal of Geography*, Vol. 7, No. 4, 2016, pp. 53-66.
- [26] N. A. Thinh, Landscape ecology in Landscape Architecture and Sustainable Land Use Planning, Construction Publishing House, 2014 (in Vietnamese).